

Thái Bình, ngày 07 tháng 01 năm 2016

**BẢN TỔNG HỢP**

**Các Chỉ số KPIs của đơn vị về thực hiện Chiến lược phát triển Trường  
giai đoạn 2015-2018**

**1. Chỉ số PPIs thực hiện chiến lược phát triển Đào tạo**

- Nâng cao chất lượng CTĐT, hoàn thiện thêm một bước cơ cấu ngành đào tạo theo mô hình đào tạo gắn với NCKH; rà soát, cập nhật CTĐT 2 năm/lần.
- Đổi mới phương pháp giảng dạy, đánh giá kết quả nhằm nâng cao kết quả học tập:
  - + Tổ chức hội nghị chia sẻ kinh nghiệm về phương pháp giảng dạy;
  - + Phân đấu tỷ lệ giờ giảng khá giỏi từ 75% trở lên;
  - + Tổ chức hội nghị học tốt trong SV, phát triển cố vấn học tập;
  - + Đổi mới phương pháp đánh giá bằng trắc nghiệm khách quan.
- Mở rộng quy mô đào tạo, đáp ứng yêu cầu xã hội:
  - + Tăng số lượng SV qua tăng chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm;
  - + Mở mã ngành đào tạo;
  - + Tăng số lượng CTĐT chính quy, liên thông, văn bằng 2.

**Kế hoạch thực hiện chiến lược Đào tạo**

MỤC TIÊU	GIẢI PHÁP	CHỈ SỐ THỰC HIỆN THEO NĂM HỌC		
		2015-2016	2016-2017	2017-2018
1. Nâng cao chất lượng chương trình	Rà soát và cập nhật CTĐT, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra		02 chương trình 100 đề cương chi tiết học phần	
2. Đổi mới phương pháp giảng dạy, đánh giá kết quả	2.1. Tổ chức hội nghị chia sẻ kinh nghiệm về phương pháp giảng dạy		01 lần/năm	
	2.2. Tỷ lệ giờ giảng được Hội đồng chuyên môn đánh giá khá giỏi	75%	Duy trì > 85% giờ giảng được đánh giá khá giỏi	

MỤC TIÊU	GIẢI PHÁP	CHỈ SỐ THỰC HIỆN THEO NĂM HỌC		
		2015-2016	2016-2017	2017-2018
nhằm nâng cao kết quả học tập	2.3. Tổ chức hội nghị học tốt, đẩy mạnh công tác cố vấn học tập, trang bị các kỹ năng hỗ trợ SV	Tổ chức 01 lần/năm vào đầu năm học mới. Sinh hoạt trong các câu lạc bộ SV		
	2.4. Chuyển đổi việc đánh giá học tập qua hình thức trắc nghiệm	03 HP	05 HP	07 HP
3. Mở rộng quy mô đào tạo đáp ứng yêu cầu xã hội	3.1. Tăng số lượng SV	Tăng 10% SVĐH, giảm CĐ		
	3.2. Tăng số lượng ngành đào tạo	Mở mã ngành Điện, Cơ khí, Công nghệ thông tin	Mở mã ngành Toán ứng dụng	Mở mã ngành Tài chính ngân hàng
	3.3. Tăng số chương trình đào tạo	2	5	2

## 2. Chỉ số KPIs thực hiện chiến lược phát triển nguồn nhân lực

- Thực hiện chuẩn hóa, hiện đại hóa số lượng và chất lượng đội ngũ CBVC: tăng tỷ lệ đội ngũ GV có trình độ cao, đội ngũ quản lý, chuyên viên có tính chuyên nghiệp cao.

- Rà soát, khắc phục cơ bản tình trạng không đồng bộ về đội ngũ giữa các ngành đào tạo, giữa các khoa, phòng, trung tâm.

### Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển nguồn nhân lực

MỤC TIÊU	GIẢI PHÁP	CHỈ SỐ THỰC HIỆN THEO NĂM HỌC		
		2015-2016	2016-2017	2017-2018
1. Quy hoạch nguồn nhân lực và chuẩn hóa đội ngũ đáp ứng yêu cầu hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học	1.1. Tăng cường phát triển đội ngũ CB, GV, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đạt chuẩn về chất lượng, chuyên nghiệp trong công việc. Bảo đảm cơ cấu hợp lý giữa các chức danh lãnh đạo, quản lý, các ngạch, bậc viên chức.	- Đến năm học 2019-2020 đội ngũ cán bộ, GV đạt trình độ từ thạc sĩ: 90%		

MỤC TIÊU	GIẢI PHÁP	CHỈ SỐ THỰC HIỆN THEO NĂM HỌC		
		2015-2016	2016-2017	2017-2018
	1.2. Đào tạo nâng cao trình độ hàng năm để phù hợp với quy mô đào tạo	- Tỷ lệ GV có trình độ SĐH/tổng số GV là 60-70%. - Tỷ lệ GV có học vị TS đạt 5% trên tổng số GV.	- Tỷ lệ GV có trình độ SĐH/tổng số GV là 70-80%. - Tỷ lệ GV có học vị TS đạt 6% trên tổng số GV.	- Tỷ lệ GV có trình độ SĐH/tổng số GV là 80-85%. - Tỷ lệ GV có học vị TS đạt 7% trên tổng số GV.
	1.3. Chuẩn hóa đội ngũ GV theo quy định của Bộ GDĐT. Ngoài ra nâng cao trình độ tiếng Anh cho GV đáp ứng yêu cầu giảng dạy và hội nhập quốc tế	Đến hết năm học 2017-2018 có 20% GV có văn bằng 2 tiếng Anh, 90% GV đạt trình độ tiếng Anh bậc B trở lên.		
	1.4. Thường xuyên cử cán bộ, GV tham gia các lớp đào tạo ngắn hạn; các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Tổ chức các hội thảo, Sermina để trao đổi, học hỏi kinh nghiệm.	Mỗi cán bộ, GV được tham gia tập huấn, bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ ít nhất 01 năm/01 lần		
	1.5. Tổ chức cho cán bộ lãnh đạo khoa, phòng đi học tập kinh-nghiệm quản lý ở các trường đại học có cùng chuyên ngành đào tạo.	Trưởng khoa, phòng, đơn vị được đi học tập kinh nghiệm quản lý ở các CSGD 03 năm/01 lần.		
	1.6. Tổ chức cho GV đi thực tế tại các doanh nghiệp.	GV hàng năm đều phải đi thực tế tại các DN.		
2. Thu hút được nguồn nhân lực có	2.2. Xây dựng chế độ hỗ trợ, khuyến khích đối với	Duy trì và nâng mức hỗ trợ hàng năm đối với cán bộ, GV đi học nâng cao trình độ (chế độ phúc lợi, thu nhập tăng thêm, sinh hoạt phí...)		

MỤC TIÊU	GIẢI PHÁP	CHỈ SỐ THỰC HIỆN THEO NĂM HỌC		
		2015-2016	2016-2017	2017-2018
chất lượng cao	cán bộ, GV đi học nâng cao trình độ			
3. Nâng cao chất lượng cuộc sống, tạo môi trường làm việc tốt cho cán bộ, GV	3.1. Cải thiện môi trường làm việc, có cơ chế, chính sách để cán bộ GV phát huy năng lực, sở trường	Hàng năm tiến hành rà soát Quy chế chi tiêu nội bộ, thực hiện điều chỉnh các chế độ: phúc lợi, thu nhập tăng thêm, khen thưởng...theo hướng năm sau cao hơn năm trước, nhằm động viên, khuyến khích cán bộ, GV tích cực cống hiến.		
	3.2. Tạo các công việc có thu nhập và mang lại cơ hội phát triển cho cán bộ, GV	- Mở thêm một số mã ngành đào tạo đại học, sau đại học, đào tạo liên thông, văn bằng 2 theo thể mạnh của Trường.		

### 3. Chỉ số thực hiện chiến lược phát triển Nghiên cứu khoa học

Tăng số lượng và chất lượng các sản phẩm nghiên cứu khoa học:

+ Số lượng công bố đăng trên các tạp chí khoa học thuộc hệ thống ISI và SCOPUS đạt mức 02/năm.

+ Số lượng cán bộ tham gia hội nghị, hội thảo quốc tế bình quân 20 người/năm bằng kinh phí Nhà trường.

+ Số lượng cán bộ tham gia hội nghị, hội thảo trong nước bình quân 40 người/năm bằng kinh phí Nhà trường.

+ Số lượng cán bộ GV tham gia thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở tối thiểu 25 đề tài/năm.

+ Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học cho SV: 20 đề tài/năm

+ Số lượng đề tài có hợp tác với các đối tác như: doanh nghiệp 01 đề tài/năm.

+ Số sáng kiến kinh nghiệm cấp tỉnh được công nhận hàng năm là 01

+ Số công trình được công nhận sáng tạo khoa học công nghệ là 01 công trình/định kỳ xét thưởng (3 năm).

+ Số sách giáo trình được nghiệm thu hàng năm là 03 quyển.

+ Số sáng kiến kinh nghiệm cấp tỉnh 01 công trình/năm.

+ Số giải thưởng sáng tạo Khoa học công nghệ cấp tỉnh 01 công trình/lần.

**Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển Nghiên cứu khoa học**

MỤC TIÊU	GIẢI PHÁP	CHỈ SỐ THỰC HIỆN THEO NĂM HỌC		
		2015-2016	2016-2017	2017-2018
1. Tăng số lượng, chất lượng các sản phẩm nghiên cứu khoa học, tăng số lượng CB, GV, SV tham gia NCKH	1.1. Tăng số xuất bản khoa học có phản biện trong nước	01	02	03
	1.2. Tăng số lượng công bố đăng trên các tạp chí khoa học quốc tế thuộc hệ thống ISI và SCOPUS	01	02	03
	1.3. Tăng số lượt cán bộ tham gia hội nghị, hội thảo quốc tế	10	15	25
	1.4. Số lượt cán bộ tham gia hội nghị, hội thảo trong nước.	30	40	45
	1.5. Tỷ lệ cán bộ GV tham gia thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở	50%	60%	70%
	1.6. Tăng số lượng đề tài NCKH của SV	20	30	40
2. Tăng số sáng chế khoa học công nghệ	Tăng số công trình được giải sáng tạo khoa học công nghệ	01	01	02
	Tăng số sáng kiến kinh nghiệm cấp tỉnh	01	01	01
3. Tăng số giáo trình phục vụ đào tạo	Tăng Số sách giáo trình được nghiệm thu hàng năm	01	02	03

**4. Chiến lược và kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển cơ sở vật chất**

- Đáp ứng một cách tốt nhất về cơ sở vật chất, trang thiết bị phù hợp yêu cầu phát triển theo tiêu chí đồng bộ với quy mô và chất lượng đào tạo của Nhà trường.
- Thực hiện quy hoạch tổng thể, xây dựng cơ sở hạ tầng thông thoáng, phát triển cơ sở vật chất tạo môi trường làm việc, học tập, nghiên cứu và thực tập thuận lợi, hiệu quả.
- Cải tạo, hoàn thiện hệ thống kỹ thuật hạ tầng và tiện ích công cộng trong khu vực Trường.
- Nâng cao hiệu quả trong đầu tư và sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị không để xảy ra thất thoát, lãng phí, tiêu cực.

**Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển Cơ sở vật chất**

<b>MỤC TIÊU</b>	<b>GIẢI PHÁP</b>	<b>CHỈ SỐ THỰC HIỆN</b> giai đoạn 2015-2018	
1. Nâng cấp trang thiết bị, học liệu hiện đại phục vụ giảng dạy, học tập, NCKH	1.1. Phòng học được trang bị máy móc thiết bị phục vụ dạy-học-nghiên cứu khoa học	70% phòng học được trang bị máy chiếu, âm thanh, điều hòa nhiệt độ, hệ thống Wifi	
	1.2. Trang bị đầy đủ, giáo trình, tài liệu tham khảo, đảm bảo được cập nhật mới	Đảm bảo 100% giáo trình và tài liệu tham khảo được cập nhật hàng năm	
	1.3. Số hóa tài liệu phục vụ học tập, nghiên cứu	100% giáo trình và tài liệu tham khảo được số hóa	
	1.4. Xây dựng các phòng tự học, các phòng học chuyên đề cho SV	Đảm bảo các phòng học tự học, chuyên đề để SV có thể học nhóm, trao đổi, nghiên cứu ngoài giờ học chính khóa	
2. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo các hoạt động chuyên môn của nhà trường	2.1. Đầu tư cải tạo, xây dựng mới ....	Nâng cấp, sửa chữa cải tạo một số hạng mục phục vụ các hoạt động chuyên môn của Nhà trường	
	2.2. Tiếp tục duy trì và sửa chữa, bổ sung CSVC	Đầu tư xây dựng mới một số phòng học thực hành theo chuyên ngành Xây dựng cảnh quan đồng bộ xung quang khu vực trường đảm bảo mỹ quan chung của Nhà trường	
	2.3. Đầu tư trang thiết bị phục vụ các hoạt động chuyên môn của nhà trường	Tiếp tục nâng cấp, bổ sung, thay thế trang thiết bị đáp ứng nhu cầu làm việc, giảng dạy, học tập, sinh hoạt rèn luyện của cán bộ, giảng viên, học sinh SV	
	2.4. Bổ sung các trang thiết bị phục vụ công tác dạy học thực hành	Đáp ứng nhu cầu dạy học thực hành của SV.	
3. Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin và phần mềm quản lý theo chuẩn số hóa để	3.1. Trang bị hệ thống Wifi, đường truyền Internet tốc độ cao, các phòng máy tính hiện đại phục vụ giảng dạy, học tập, nghiên cứu và làm việc	Đầu tư mới hệ thống Wifi, đường truyền Internet tốc độ cao phục vụ công tác giảng dạy, học tập, nghiên cứu và làm việc của	Duy trì, nâng cấp, thay thế, bổ sung

MỤC TIÊU	GIẢI PHÁP	CHỈ SỐ THỰC HIỆN giai đoạn 2015-2018	
kết nối thông suốt, thuận tiện, hiệu quả trong quản lý điều hành, các hoạt động đào tạo, nghiên cứu		cán bộ, giảng viên, SV. Đảm bảo các phòng máy tính hiện đại phục vụ dạy học và thi trắc nghiệm và nghiên cứu khoa học	
	3.2. Trang bị hệ thống phần mềm phục vụ giảng dạy, học tập và công tác chuyên môn	Đầu tư mới một số hệ thống phần mềm phục các hoạt động chuyên môn của nhà trường. Tiếp tục duy trì, nâng cấp các phần mềm đang sử dụng.	Duy trì, nâng cấp, thay thế, bổ sung
	3.3. Tin học hóa quy trình quản lý, cải cách các thủ tục hành chính nhằm nâng cao chất lượng công tác chuyên môn hiệu quả, tiết kiệm	Hoàn thiện và thường xuyên cập nhật phần mềm MVP, để 100% các hoạt động của nhà trường được giải quyết và xử lý trên MVP.	
	3.4. Số hóa hệ thống thông tin người học	Đảm bảo 100% thông tin cá nhân và kết quả học tập rèn luyện của người học được số hóa đầy đủ.	

**5. Chiến lược và kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển Tài chính**

- Tăng cường các nguồn lực tài chính, cả về quy mô và cơ cấu.
- Các nguồn lực tài chính được phân bổ hợp lý, sử dụng hiệu quả và đúng quy định, đảm bảo đáp ứng nhu cầu cơ bản các hoạt động đào tạo, NCKH, hợp tác trong nước và quốc tế và các hoạt động khác của Nhà trường với quy mô ngày càng phát triển; hướng đến từng bước tăng cường cơ sở vật chất góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH, hợp tác quốc tế, đào tạo nguồn nhân lực; nâng cao thu nhập cho CBVC.

**Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển Tài chính**

MỤC TIÊU	GIẢI PHÁP	CHỈ SỐ THỰC HIỆN THEO NĂM HỌC		
		2015-2016	2016-2017	2017-2018
1. Tăng quy mô, đa dạng hóa nguồn thu	1.1. Tăng nguồn thu từ các hoạt động đào tạo ngắn hạn	50 triệu	100 triệu	120 triệu
	1.2. Tăng nguồn thu từ các hoạt động nghiên cứu khoa học và dịch vụ	Có nguồn thu từ hoạt động NCKH và hàng năm tăng 1% đến 05% nguồn thu từ hoạt động NCKH		
	1.3. Huy động các tổ chức, doanh nghiệp, cựu SV đồng hành cùng với nhà trường trong việc tài trợ học bổng và các hoạt động ngoại khóa của SV, hoạt động NCKH	20 triệu	30 triệu	40 triệu
2. Xây dựng cơ chế chính sách phù hợp, tạo động lực cho sự phát triển	Xây dựng chính sách khuyến khích tìm kiếm hợp đồng nghiên cứu - chuyển giao công nghệ	Xây dựng văn bản lập quy về chính sách khuyến khích tìm kiếm HĐ NCKH và chuyển giao công nghệ		
3. Nâng cao hiệu quả quản lý nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất	3.1. Khai thác cơ sở vật chất dùng chung ở các đơn vị	Xác định những CSVC có thể khai thác dùng chung để khai thác nguồn lực một cách hiệu quả		
	3.2 Xây dựng và triển khai hệ thống dữ liệu thống kê tài chính giúp kịp thời ra quyết định	Hiệu chỉnh phần mềm quản lý hệ thống dữ liệu thống kê tài chính		
	3.3. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài sản	Tiến hành rà soát, đánh giá, kiểm kê hàng năm về tình hình sử dụng tất cả tài sản trong trường để nâng cao hiệu quả sử dụng và bảo quản tài sản tối ưu. Đặc biệt trong việc sử dụng tài sản chung		



**BAN GIÁM HIỆU**  
 TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH  
 HIỆU TRƯỞNG  
 TS Nguyễn Thị Kim Lý

**PHÒNG HÀNH CHÍNH - TỔNG HỢP**

TRƯỞNG PHÒNG HÀNH CHÍNH - TỔNG HỢP  
 Nguyễn Anh Quân